CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN
Địa chỉ: 72 nguyễn Huệ, Quận 1, TPHCM
Mã số thuế: 0301955155

Mẫu CBTT-05: (Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
(QUÝ I NĂM 2009)

Đơn vị tính: VNĐ

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	***Tài sản ngắn hạn***	**2,255,406,279,680**	**2,003,444,293,421**
1	Tiền	1,515,530,387,915	1,121,673,094,509
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác	448,078,208,992	712,864,786,971
	- Chứng khoán tự doanh	473,781,503,876	758,576,624,427
	- Chứng khoán ngắn hạn của người ủy thác đầu tư		
	- Đầu tư ngắn hạn		
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn	(25,703,294,884)	(45,711,837,456)
3	Các khoản phải thu	286,577,120,210	163,164,910,457
4	Vật liệu , công cụ tồn kho	-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	5,220,562,563	5,741,501,484
II	***Tài sản dài hạn***	**2,848,949,326,640**	**3,116,362,816,728**
1	Tài sản cố định	161,413,031,953	160,254,336,648
	- TSCĐ hữu hình	37,116,573,347	36,505,730,411
	- TSCĐ thuê tài chính		
	- TSCĐ vô hình	124,296,458,606	123,748,606,237
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	2,668,017,745,600	2,937,972,595,738
	- Chứng khoán tự doanh	2,312,115,299,038	2,535,200,795,052
	- Đầu tư dài hạn khác	646,393,890,000	646,393,890,000
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn	(290,491,443,438)	(243,622,089,314)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
4	Tài sản dài hạn khác	19,518,549,087	18,135,884,342
III	**Tổng cộng tài sản**	**5,104,355,606,320**	**5,119,807,110,149**

IV	***Nợ phải trả***	**1,207,079,760,860**	**1,049,655,444,326**
1	Nợ ngắn hạn	813,175,246,537	822,906,765,170
2	Nợ dài hạn	393,904,514,323	226,748,679,156
V	***Nguồn vốn chủ sở hữu***	**3,897,275,845,460**	**4,070,151,665,823**
1	Vốn góp ban đầu	1,366,666,710,000	1,533,334,710,000
2	Vốn bổ sung	1,996,057,965,000	1,996,057,965,000
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	622,757,817,191	659,939,986,444
4	Vốn điều chỉnh	(88,206,646,731)	(119,180,995,621)
VI	**Tổng nguồn vốn**	**5,104,355,606,320**	**5,119,807,110,149**

-

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(Áp dụng đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính, tín dụng….)

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	93,582,904,635	93,582,904,635
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần	93,582,904,635	93,582,904,635
4	Thu lãi đầu tư	-	-
5	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư	93,582,904,635	93,582,904,635
6	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	50,877,860,037	50,877,860,037
7	Lợi nhuận gộp	42,705,044,598	42,705,044,598
8	Chi phí quản lý		-
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	42,705,044,598	42,705,044,598
10	Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh	32,667,718	32,667,718
11	Tổng lợi nhuận trước thuế	42,737,712,316	42,737,712,316
12	Lợi nhuận tính thuế	23,581,299,815	23,581,299,815
13	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4,716,259,963	4,716,259,963
14	Lợi nhuận sau thuế	38,021,452,353	38,021,452,353
15	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (nếu có)	262	262
16	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (nếu có)		

Ngày 15 tháng 04 năm 2009

Người lập biểu	Kế Toán Trưởng	Phó Tổng Giám Đốc
Nguyễn Thị Hải Anh	Hoàng Thị Minh Thủy	Nguyễn Hồng Nam